

Số: 880/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung danh mục máy móc, thiết bị, vật tư,
nguyên liệu trong nước đã sản xuất được**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 2840/QĐ-BCT ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;

Căn cứ Công văn số 7551A/BCT-KH ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc Hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;

Căn cứ đề nghị của Sở Công Thương Quảng Nam tại Công văn số 216/SCT-QLCN ngày 09 tháng 02 năm 2021 về việc đề nghị bổ sung sản phẩm của Công ty TNHH Hữu Toàn Group vào Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục bổ sung máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Danh mục này làm căn cứ để các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo thực hiện theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 2840/QĐ-BCT ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty và Hiệp hội

ngành nghề tiếp tục đề xuất với Bộ Công Thương để điều chỉnh, bổ sung Danh mục phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT; TC; NN&PTNT; Y tế; GTVT; TT&TT; XD; KH&CN; UBQLVNN;
- Ngân hàng Nhà nước;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các TD, TCT 90,91;
- Website BCT;
- Lưu: VT, KH (3).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Cao Quốc Hưng

Phụ lục
DANH MỤC BỔ SUNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ, VẬT TƯ, NGUYÊN LIỆU TRONG NƯỚC ĐÃ SẢN XUẤT ĐƯỢC
CỦA CÔNG TY TNHH HỮU TOÀN GROUP

(Ban hành kèm theo Quyết định số **880/QĐ-BCT** ngày **11** tháng **3** năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Tên sản phẩm	Mã số theo biểu thuế nhập khẩu		Ký hiệu quy cách, mô tả đặc tính kỹ thuật	Tỷ lệ phần trăm giá trị sản xuất trong nước ¹ (%)
		Nhóm	Phân nhóm		
1	Tổ máy phát điện xăng có công suất không quá 75kVA	8502	11	Công suất liên tục: 8 - 60kVA Công suất dự phòng: 8.8 - 66kVA Điện áp: 220/380V Tần số: 50/60Hz	56%
2	Tổ máy phát điện dầu có công suất không quá 75kVA	8502	11	Công suất liên tục: 8 - 60kVA Công suất dự phòng: 8.8 - 66kVA Điện áp: 220/380V Tần số: 50/60Hz	49%
3	Tổ máy phát điện có công suất trên 75 kVA nhưng không quá 125 kVA	8520	12 10	Công suất liên tục: 80 - 122kVA Công suất dự phòng: 88 - 134kVA Điện áp: 220/380V Tần số: 50/60Hz	45%
4	Tổ máy phát điện có công suất trên 125 kVA nhưng không quá 375 kVA	8520	12 20	Công suất liên tục: 150 - 350kVA Công suất dự phòng: 165 - 385kVA Điện áp: 220/380V Tần số: 50/60Hz	41%
5	Tổ máy phát điện có công suất trên 375 kVA nhưng không quá 12.500 kVA ²	8520	13 90	Công suất liên tục: 400 - 3.000kVA Công suất dự phòng: 440 - 3.300kVA Điện áp: 220/380V Tần số: 50/60Hz	29%
6	Đầu máy phát điện có công suất không quá 12.5 kVA	8510	61 10	Công suất liên tục: 2.5 - 11.3kVA Công suất dự phòng: 2.8 - 12.5kVA Điện áp: 220/380V Tần số: 50/60Hz	100%

¹ Tỷ lệ phần trăm chi phí sản xuất trong nước được xác nhận tại thời điểm ban hành Quyết định.

² Đã sản xuất được Tổ máy phát điện có công suất đến 2.500 kVA.

7	Đầu máy phát điện có công suất trên 12.5 KVA nhưng không quá 75 KVA	8510	61	20	Công suất liên tục: 14.5kVA Công suất dự phòng: 16kVA Điện áp: 220/380V Tần số: 50/60Hz	100%
---	---	------	----	----	--	------